

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;*

*Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật đầu tư công ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính Phủ quy định việc quản lý và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định về Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 230/2012/TT-BTC-BGTVT ngày 27/12/2012 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ; Thông tư số 20/2014/TT-BGTVT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc nhà nước; Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 571/TTr-SGTVT ngày 30/3/2017 và Báo cáo thẩm định văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp tại Văn bản số 29/BC-STP ngày 28/3/2017,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức có liên quan tới quản lý, khai thác và sử dụng công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc căn cứ quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- VPCP; Bộ GTVT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh Ủy; HĐND tỉnh (B/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch; các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Quỹ Bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc;
- Báo Vĩnh Phúc, Công báo tỉnh;
- Công Thông tin giao tiếp điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NN1.

(Q- b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Vũ Chí Giang**

## **QUY ĐỊNH**

**Về lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì  
hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND  
ngày 28 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định công tác lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch bảo trì hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (sau đây viết tắt là Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ).

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ liên quan tới quản lý, bảo trì công trình đường bộ, cụ thể bao gồm:

1. Sở Giao thông vận tải được giao quản lý hệ thống đường tỉnh, đường đô thị.
2. UBND các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện) được giao quản lý hệ thống đường huyện, đường nội thị trên địa bàn do UBND cấp huyện quản lý.
3. UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) được giao quản lý hệ thống đường xã, đường nội thị, đường giao thông nông thôn trên địa bàn do UBND cấp xã quản lý.
4. Các cơ quan, tổ chức có liên quan tới quản lý, khai thác và sử dụng công trình đường bộ.

### **Chương II LẬP, PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ**

#### **Điều 3. Lập kế hoạch nhu cầu bảo trì công trình đường bộ**

1. Hằng năm, căn cứ vào quy trình bảo trì và tình trạng công trình đường bộ, cơ quan được giao quản lý, bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã) lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, công tác kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng công trình đường bộ và các công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quản lý bảo trì công trình đường bộ.

Nội dung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ bao gồm: Tên danh mục, hạng mục công trình; dự kiến khối lượng; dự kiến kinh phí; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; mức độ ưu tiên, giải pháp sửa chữa.

a) Đối với hệ thống đường huyện, đường nội thị, đường xã, đường giao thông nông thôn (ngoài hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải): UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp.

b) Sở Giao thông vận tải tổng hợp kế hoạch bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường đô thị do Sở Giao thông vận tải quản lý và nhu cầu bảo trì công trình đường bộ của UBND cấp huyện gửi Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc (qua Văn phòng Quỹ) và Sở Tài chính.

2. Trên cơ sở đề xuất Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện (khi cần thiết) để tiến hành kiểm tra thực tế hiện trường công trình đường bộ, trao đổi, thống nhất xác định mức độ hư hỏng và đề xuất quy mô, giải pháp sửa chữa; dự kiến kinh phí; thời gian thực hiện; phương thức thực hiện; mức độ ưu tiên.

3. Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế hiện trường, Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổng hợp, lập Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên toàn tỉnh, trong đó đề xuất danh mục công trình ưu tiên cho phép lập dự án sửa chữa năm kế tiếp, gửi Sở Tài chính, và UBND tỉnh trước ngày 15/6 hằng năm.

#### **Điều 4. Chấp thuận cho phép lập dự án sửa chữa công trình đường bộ**

1. Căn cứ đề xuất danh mục công trình ưu tiên cho phép lập dự án sửa chữa của Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính chủ trì rà soát, lấy ý kiến của Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc và Sở Giao thông vận tải. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến, thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt chủ trương lập dự án theo Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trước ngày 15/7 hằng năm với tổng kinh phí tạm tính bằng 80% tổng kế hoạch chi của năm đang thực hiện.

2. Sau khi có quyết định phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ của UBND tỉnh:

a) UBND tỉnh Ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án theo Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên hệ thống đường tỉnh, đường đô thị do Sở Giao thông vận tải quản lý theo quy định của pháp luật về xây dựng, hoàn thành trước ngày 01/10 của năm trước năm kế hoạch để làm cơ sở xây dựng kế hoạch bảo trì công trình đường bộ năm kế hoạch. Đối với các dự án sửa chữa công trình đường bộ của các tuyến đường trong đô thị do Sở Xây dựng thẩm định (trừ các công trình đường sắt đô thị, cầu vượt sông, đường quốc lộ qua đô thị)

b) Phân cấp cho UBND cấp huyện thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật các dự án theo kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên hệ thống đường huyện, đường nội thị, đường xã, đường giao thông nông thôn thuộc địa bàn của huyện quản lý (UBND cấp huyện có thể ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số nội dung công việc tùy theo từng địa phương) theo quy định của pháp luật về xây dựng, hoàn thành trước ngày 01/10 của năm trước năm kế hoạch để làm cơ sở xây dựng kế hoạch bảo trì công trình đường bộ năm kế hoạch.

### **Điều 5. Phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình đường bộ**

1. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổng hợp, lập kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tài chính, UBND tỉnh trước ngày 15/10 hằng năm. Nội dung kế hoạch bảo trì đường bộ bao gồm: Bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất, trong đó:

a) Bảo dưỡng thường xuyên:

- Căn cứ thời điểm đưa công trình vào khai thác sử dụng, thực tế khai thác công trình và các quy định hiện hành về bảo dưỡng thường xuyên theo tiêu chí chất lượng đầu ra, thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ của các bộ phận kết cấu công trình, thiết bị để nâng cao chất lượng công trình đưa vào khai thác, đề phòng xảy ra những hư hỏng, sự cố tiếp theo và đảm bảo tuổi thọ công trình.

- Căn cứ tiêu chí chất lượng thực hiện trên cơ sở định mức bảo dưỡng thường xuyên để xác định đơn giá bảo dưỡng thường xuyên (tính trên 1km đường, mét dài cầu ...) phù hợp với nguồn vốn dự kiến được cấp.

b) Sửa chữa định kỳ bao gồm:

- Danh mục, hạng mục công trình đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật sửa chữa công trình của năm trước nhưng chưa bố trí được vốn;

- Danh mục, hạng mục công trình đã được UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương sửa chữa (bao gồm danh mục, hạng mục quy định tại Điều 4 Quy định này);

- Danh mục công trình do Chủ tịch Hội đồng Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc cho phép sửa chữa đối với công trình sử dụng nguồn vốn từ Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương hỗ trợ, phân bổ về Quỹ địa phương (trừ nguồn vốn từ ngân sách tỉnh bổ sung cho Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh)

c) Sửa chữa đột xuất bao gồm:

- Danh mục, hạng mục công trình sửa chữa đột xuất đã hoàn thành thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật nhưng chưa bố trí được vốn;

- Các công trình sửa chữa đột xuất: Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã triển khai thực hiện theo quy định của Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT để đảm bảo giao thông an toàn, thông suốt.

2. Sở Tài chính chủ trì thẩm định kế hoạch bảo trì công trình đường bộ, lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải, Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, Sở Tài chính tổng hợp ý kiến, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch và kinh phí bảo trì công trình đường bộ trước ngày 31/10 năm trước năm kế hoạch.

### **Chương III**

## **THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ**

### **Điều 6. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ**

1. Căn cứ Quyết định phê duyệt Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hằng năm của UBND tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định giao bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh cho Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc trước ngày 31/12 hằng năm (trong dự toán ngân sách tỉnh hàng năm).

2. Căn cứ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung cho Quỹ bảo trì đường bộ hằng năm, Hội đồng Quản lý quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc giao kế hoạch chi Quỹ bảo trì đường bộ cho Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện và đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

3. Trên cơ sở Kế hoạch bảo trì công trình đường bộ hằng năm được UBND tỉnh phê duyệt và Kế hoạch chi Quỹ bảo trì đường bộ được Hội đồng quản lý Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện triển khai thực hiện:

a) Hoàn thiện các thủ tục theo Khoản 2 Điều 4 của Quy định này đối với các danh mục công trình, hạng mục công trình nằm trong kế hoạch bảo trì công trình đường bộ được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

4. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

a) Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện quyết định phê duyệt, tổ chức thực hiện và báo cáo UBND tỉnh đối với công trình sửa chữa đột xuất hoặc điều chỉnh cục bộ trong danh mục, hạng mục công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt, nhưng không tăng vốn đã ghi trong kế hoạch;

b) Đối với công trình sửa chữa đột xuất: Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT và cập nhật, báo cáo Hội đồng Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc bổ sung vào kế hoạch chi, đồng thời báo cáo UBND tỉnh.

c) Đối với các công trình sửa chữa cần bổ sung kế hoạch theo đề nghị của UBND cấp huyện, Sở Giao thông vận tải và chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan (Sở Giao thông vận tải, Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc) rà soát, kiểm tra hiện trường để xác định mức độ hư hỏng, đề xuất quy mô và giải pháp sửa chữa trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương lập dự án sửa chữa; Ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải (các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý) và phân cấp cho UBND cấp huyện (các tuyến đường do cấp huyện quản lý) thực hiện chuẩn bị đầu tư và thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng quản lý Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh bố trí vốn triển khai thực hiện.

### **Điều 7. Quản lý, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ**

1. Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện có trách nhiệm tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ do đơn vị quản lý, đồng thời Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn toàn tỉnh, gửi Hội đồng Quản lý Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc, UBND tỉnh (hàng quý trước ngày 22 của tháng cuối mỗi quý, hàng năm trước ngày 15/01 của năm tiếp theo). Nội dung báo cáo bao gồm: Tên công trình; khối lượng và kinh phí thực hiện; thời gian hoàn thành; các điều chỉnh phát sinh so với kế hoạch giao; đánh giá kết quả thực hiện (theo kế hoạch được giao), đề xuất và kiến nghị.

2. Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện việc tổ chức quản lý chất lượng bảo trì công trình đường bộ và thanh toán, quyết toán chi phí bảo trì công trình theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc phối hợp với Sở Tài chính xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ của Sở Giao thông vận tải và UBND cấp huyện, trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

### **Điều 8. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với các dự án sửa chữa công trình đường bộ đã được UBND tỉnh chấp thuận, phê duyệt chủ trương trước khi Quy định này có hiệu lực hoặc các công trình sửa chữa định kỳ nằm trong đơn giá, sản phẩm dịch vụ công ích được UBND tỉnh phê duyệt; Ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải và phân cấp cho UBND cấp huyện tiếp tục triển khai thực hiện:

a) Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo Khoản 2 Điều 4 của Quy định này.

b) Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu theo các quy định pháp luật hiện hành khi công trình được bố trí vốn trong Kế hoạch chi của Hội đồng quản lý Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Vĩnh Phúc phê duyệt.

**Chương IV**  
**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Tổ chức thực hiện**

1. Trong quá trình lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ, Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện và các đơn vị liên quan phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời về UBND tỉnh để được xem xét, hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Giao Sở Giao thông vận tải là đầu mối tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Vũ Chí Giang**





**PHỤ LỤC SỐ 02**  
**KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ NĂM .....**

Đơn vị: .....

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Phương thức thực hiện	Giải pháp sửa chữa	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)
	<b>TỔNG SỐ</b>							
<b>A</b>	<b>Bảo dưỡng thường xuyên</b>							
<b>B</b>	<b>Sửa chữa định kỳ</b>							
	Công trình chuyên tiếp							
	Công trình làm mới							
<b>C</b>	<b>Sửa chữa đột xuất</b>							
<b>D</b>	<b>Khác</b>							
	<b>CHI TIẾT</b>							
<b>A</b>	<b>Bảo dưỡng thường xuyên</b>							
1	Tên tuyến							
	Bảo dưỡng thường xuyên đường							
	Bảo dưỡng thường xuyên cầu							
	.....							
	.....							
<b>B</b>	<b>Sửa chữa định kỳ</b>							
a	Công trình chuyên tiếp							
	.....							
b	Công trình làm mới							
	.....							
<b>C</b>	<b>Sửa chữa đột xuất</b>							
a	Công trình sửa chữa đột xuất							
	.....							
b								
<b>D</b>	<b>Khác</b>							

**PHỤ LỤC SỐ 03**  
**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ NĂM ....**

<b>TT</b>	<b>Hạng mục công việc</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Kinh phí</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Những điều chỉnh so với kế hoạch được giao</b>	<b>Mức độ hoàn thành (%)</b>

www.LuatVietnam.vn